

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ XÉT XỬ PHỨC THẨM VỤ ÁN
HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Phạm Thị Hoàng Phúc**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Kiều Trang**
Bà **Mai Vân Anh**

Sau khi xét xử sơ thẩm, Bản án sơ thẩm số 28/2020/HNGĐ-ST ngày 13/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện S, thành phố H bị kháng cáo như sau: Ngày 24/7/2020, bị đơn là bà Hồ Thị N kháng cáo phần chia tài sản chung, cụ thể: Không đồng ý với việc xác định thửa đất số 45, tờ bản đồ số 10, diện tích 744m² tại thôn M là tài sản chung vợ chồng vì đây là tài sản riêng của bà đã được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2004.

XÉT THẤY:

Người kháng cáo là bà Hồ Thị N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên bị coi như từ bỏ việc kháng cáo và Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Thị N theo quy định tại Khoản 2 Điều 312 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Hồ Thị N phải chịu toàn bộ 5.000.000đ (Năm triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nhưng được trừ vào 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp theo quy định tại Khoản 4 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân huyện S không yêu cầu bà Hồ Thị N nộp tạm ứng án phí phúc thẩm do là người cao tuổi và là hộ nghèo nên Tòa án nhân dân thành phố H không phải xử lý tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 296, Khoản 2 Điều 312 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

QUYẾT ĐỊNH

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 67/2021/TLPT-HNGĐ ngày 20/5/2021 về việc Tranh chấp chia tài sản khi ly hôn, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1946; địa chỉ: Tổ 2 thôn M, xã T, huyện S, thành phố H.

Bị đơn: Bà **Hồ Thị N**, sinh năm 1950; địa chỉ: Tổ 2 thôn M, xã T, huyện S, thành phố H; điện thoại: XXX.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện S
2. Ủy ban nhân dân xã T, huyện S
3. Chị **Trần Thị Thu H**, sinh năm 1971
4. Anh **Trần Quốc H**, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: 85/7 P, phường PS, thành phố NT, tỉnh KH.

5. Chị **Trần Thị Như H**, sinh năm 1979; địa chỉ: 96A/6/7 TP, phường LT, thành phố NT, tỉnh KH.
6. Anh **Trần Đăng H**, sinh năm 1973.
7. Anh **Trần Quang H**, sinh năm 1975.
8. Anh **Trần Văn H**, sinh năm 1982.
9. Chị **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1977.
10. Chị **Phạm Thị Khánh V**, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Tổ 2 thôn M, xã T, huyện S, thành phố H.

11. Ông **Hà Trọng Đ**, sinh năm 1966; địa chỉ: Số 70, tổ 2, Quốc lộ, thôn M, xã T, huyện S, thành phố H.

2. Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 28/2020/HNGĐ-ST ngày 13/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện S, thành phố H có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định này.

3 Bà Hồ Thị N phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) nhưng được trừ vào 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp theo quy định tại Khoản 4 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án có hiệu lực thi hành án.

Nơi nhận:

- Đường sự
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố H.
- Tòa án nhân dân huyện S
- Chi cục thi hành án dân sự huyện S
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hoàng Phúc